

CÔNG TY CỔ PHẦN  
GEMADEPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BCQT-GMD

*Tp HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2013*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
(năm 2012)

Kính gửi:       - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                      - Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng: Công ty CP Đại lý liên hiệp vậ chuyên (Công ty CP Gemadept)
- Địa chỉ trụ sở chính: 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1, TPHCM  
Điện thoại: 38 236 236      Fax: 38 235 236      Email: info@gemadept.com.vn
- Vốn điều lệ: 1.094.473.090.000 Đ
- Mã chứng khoán (nếu có): GMD

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị :**

**1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

| ST<br>T | Thành viên HĐQT          | Chức vụ              | Số buổi<br>họp tham<br>dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|---------|--------------------------|----------------------|---------------------------|-------|---------------------|
| 1       | Ông Đỗ Văn Nhân          | Chủ tịch HĐQT        | 15                        | 100%  |                     |
| 2       | Ông Chu Đức Khang        | Phó chủ tịch<br>HĐQT | 15                        | 100%  |                     |
| 3       | Ông Đỗ Văn Minh          | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |
| 4       | Ông Phạm Tiến Tịnh       | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |
| 5       | Ông Nguyễn Quốc<br>Khánh | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |
| 6       | Ông Vũ Ninh              | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |
| 7       | Bà Nguyễn Minh<br>Nguyệt | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |
| 8       | Ông Phạm Hồng Hải        | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |
| 9       | Ông Phan Thanh Lộc       | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |
| 10      | Ông Nguyễn Quốc          | Thành viên HĐQT      | 15                        | 100%  |                     |

|    |                         |                 |   |     |                                          |
|----|-------------------------|-----------------|---|-----|------------------------------------------|
|    | Huy                     |                 |   |     |                                          |
| 11 | Ông Tô Hải              | Thành viên HĐQT | 9 | 60% | Từ nhiệm từ ngày<br>21/09/2012           |
| 12 | Bà Bùi Thị Thu<br>Hương | Thành viên HĐQT | 5 | 33% | Bổ nhiệm từ ngày<br>21/09/2012, công tác |

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Tại các cuộc họp HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc phải trả lời các chất vấn về kết quả kinh doanh kỳ (tháng) trước, kết quả thực hiện các nghị quyết HĐQT. Ngoài ra, các bộ phận quản trị rủi ro luôn giám sát thường xuyên các hoạt động sản xuất.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hiện Công ty không có các tiểu ban này.

## II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

| STT | Số nghị quyết      | Ngày           | Nội dung                                                                                                                           |
|-----|--------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 008/GMD -<br>HĐQT  | 17/01/2012     | Biên bản họp HĐQT<br>Vv góp vốn thành lập công ty CP Cảng Nam Hải Đình Vũ                                                          |
| 2   | 009/GMD-<br>HĐQT   | 17/01/2012     | Quyết định HĐQT<br>Vv góp vốn thành lập công ty CP Cảng Nam Hải Đình Vũ                                                            |
| 3   | 26/GMD-<br>BBHĐQT  | 23/02/2012     | Biên bản họp HĐQT<br>Vv phê duyệt việc chuyển nhượng phần vốn góp của công ty trong công ty TNHH Hyunhdai Merchant Marine Việt Nam |
| 4   | 027/GMD-<br>QĐHĐQT | 23/02/2012     | Quyết định HĐQT<br>Vv phê duyệt việc chuyển nhượng phần vốn góp của công ty trong công ty TNHH Hyunhdai Merchant Marine Việt Nam   |
| 5   | 035/BBHĐQT-<br>GMD | 01/03/2012     | Biên bản họp Hội Đồng quản trị<br>Vv thành lập Cty TNHH 1TV Xúc Tiến Thương Mại Hàng Hải                                           |
| 6   | 36/QĐHĐQT-<br>GMD  | 01/03/2012     | Quyết định của Hội đồng quản trị<br>Vv thành lập Cty TNHH 1TV Xúc Tiến Thương Mại Hàng Hải                                         |
| 7   | 050/HĐQT           | 1<br>5/03/2012 | Nghị quyết hội đồng quản trị<br>Vv thanh toán cổ tức năm 2010 và đại hội cổ đông 2012                                              |
| 8   | 103/NQ<br>ĐHĐCĐ    | 09/05/2012     | Nghị quyết đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên                                                                                |

|    |               |            |                                                                                                                                                                                                  |
|----|---------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9  | 104/QĐ-HĐQT   | 11/05/2012 | Quyết định HĐQT<br>Vv sang nhượng căn nhà số 108 lò đúc, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội theo GCN số 0104080011                                                                                           |
| 10 | 140/NQ-HĐQT   | 15/06/2012 | Nghị quyết Hội đồng quản trị<br>Vv Hợp đồng vay chuyển đổi trị giá 40 triệu USD Mỹ                                                                                                               |
| 11 | 141/BB-HĐQT   | 15/06/2012 | Biên bản họp Hội đồng quản trị<br>Vv vay vốn và thế chấp tại Ngân hàng BIDV Việt Nam - Chi nhánh sở giao dịch 2)                                                                                 |
| 12 | 156/BB-HĐQT   | 16/07/2012 | Biên bản họp hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (Gemadept Hà Nội)                 |
| 13 | 157/QĐ-HĐQT   | 16/07/2012 | Quyết định hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (Gemadept Hà Nội)                   |
| 14 | 216/BB-HĐQT   | 21/09/2012 | Biên bản họp hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v chấm dứt hoạt động chi nhánh Cty CP Đại lý liên hiệp vận chuyển Quy Nhơn                                       |
| 15 | 217/QĐ-HĐQT   | 21/09/2012 | Quyết định hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v chấm dứt hoạt động chi nhánh Cty CP Đại lý liên hiệp vận chuyển Quy Nhơn                                         |
| 16 | 231/BB-HĐQT   | 21/09/2012 | Biên bản họp hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v vay vốn tại ngân Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi Nhánh TPHCM                                              |
| 17 | 232/NQ - HĐQT | 21/09/2012 | Nghị quyết Hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v vay vốn tại ngân Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - Chi Nhánh TPHCM                                                |
| 18 | 235/BB-HĐQT   | 21/09/2012 | Biên bản họp hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Phê duyệt chủ trương đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Cty TNHH MTV Công Nghiệp Cao Su Thái Bình Dương |
| 19 | 236/QĐ-HĐQT   | 21/09/2012 | Quyết định hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Phê duyệt chủ trương đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Cty TNHH MTV Công Nghiệp Cao Su Thái Bình Dương   |
| 20 | 218/BB-HĐQT   | 21/09/2012 | Biên bản họp hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận                                                                                                                              |

|    |              |            |                                                                                                                                                                      |
|----|--------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |              |            | chuyên<br>V/v Phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, thay đổi nhân sự của hội đồng quản trị                               |
| 21 | 219/HĐQT     | 21/09/2012 | Nghị quyết của hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên |
| 22 | Không số     | 21/09/2012 | Nghị quyết Hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Vay vốn và thế chấp tại ngân hàng TMCP Quốc tế VN, chi nhánh Sài Gòn                 |
| 23 | 266/BB-HĐQT  | 15/10/2012 | Biên bản họp hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc chi nhánh GMD Cần Thơ                                    |
| 24 | 267/ QĐ-HĐQT | 15/10/2012 | Quyết định hội đồng quản trị công ty cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển<br>V/v Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc chi nhánh GMD Cần Thơ                                      |

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm):

| ST T | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do                                 |
|------|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------------|-------------------|---------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1    | Trần Thanh Thủy     |                                          |                              |              |                    |                   |         | 09/5/2012                               |                                           | Được bầu làm thành viên ban kiểm soát |

|   |                   |  |                 |  |  |  |  |           |           |                                                    |
|---|-------------------|--|-----------------|--|--|--|--|-----------|-----------|----------------------------------------------------|
| 2 | Bùi Thị Thu Hương |  |                 |  |  |  |  | 2008      | 09/5/2012 | Từ nhiệm ban kiểm soát                             |
| 3 | Ông Tô Hải        |  | Thành viên HĐQT |  |  |  |  |           | 21/9/2012 | Từ nhiệm                                           |
| 4 | Bùi Thị Thu Hương |  |                 |  |  |  |  | 21/9/2012 |           | Được bổ nhiệm là thành viên HĐQT từ ngày 21/9/2012 |

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

Hội Đồng Quản Trị và ban Tổng Giám Đốc

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ĐKKD | Ngày cấp CMND/ĐKKD | Nơi cấp CMND/ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------|------------------------------|--------------|--------------------|-------------------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1.  | Ông Đỗ Văn Nhân     |                                          | Chủ tịch HĐQT                |              |                    |                   |         | 687.950                    | 0.62%                         |         |
| 1.1 | Đặng Thị Ngó        |                                          | Mẹ                           |              |                    |                   |         | 0                          | 0.00%                         |         |
| 1.2 | Huỳnh Thị Ái Vân    |                                          | Vợ                           |              |                    |                   |         | 427,500                    | 0.39%                         |         |
| 1.3 | Đỗ                  |                                          | Con                          |              |                    |                   |         | 0                          | 0.00%                         |         |

|     |               |  |     |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|---------------|--|-----|--|--|--|--|---------|-------|--|
|     | Nhật Tân      |  |     |  |  |  |  |         |       |  |
| 1.4 | Đỗ Khánh Ngân |  | Con |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.5 | Đỗ Lộc        |  | Anh |  |  |  |  | 171,019 | 0.16% |  |
| 1.6 | Đỗ Quốc Khánh |  | Anh |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.7 | Đỗ Kỷ Cương   |  | Anh |  |  |  |  | 10      | 0.00% |  |
| 1.8 | Đỗ Thị Nga    |  | Em  |  |  |  |  | 18,175  | 0.02% |  |

|      |                    |  |                                      |  |  |  |  |         |       |  |
|------|--------------------|--|--------------------------------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
| 2    | Ông Chu Đức Khang  |  | Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc |  |  |  |  | 249.625 | 0.23% |  |
| 2.1  | Trần Thu Thủy      |  | Vợ                                   |  |  |  |  | 15,846  | 0.01% |  |
| 2.2  | Chu Đức Trung      |  | Con                                  |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.3  | Chu Thu Thảo       |  | Con                                  |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.4  | Chu Quốc Lộc       |  | Anh                                  |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.5  | Chu Thị Mai        |  | Chị                                  |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.6  | Chu Thị Phương     |  | Chị                                  |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 2.7  | Chu Trung Kiên     |  | Em                                   |  |  |  |  | 7,000   | 0.01% |  |
|      |                    |  |                                      |  |  |  |  |         |       |  |
| 3    | Ông Đỗ Văn Minh    |  | TV Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc  |  |  |  |  | 100.000 | 0.1%  |  |
| 3.1  | Đỗ Thế Vinh        |  | Cha                                  |  |  |  |  | 10      | 0.00% |  |
| 3.2. | Trần Thị Ngát      |  | Mẹ                                   |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.3  | Nguyễn Thị Kim Cúc |  | Vợ                                   |  |  |  |  | 44,391  | 0.04% |  |
| 3.4  | Đỗ Minh Đức        |  | Con                                  |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.5  | Đỗ Minh Khôi       |  | Con                                  |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.6  | Đỗ Quang           |  | Em                                   |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.7  | Đỗ Minh Châu       |  | Em                                   |  |  |  |  |         | 0.03% |  |

|     |                       |  |                              |  |  |  |  |         |        |  |
|-----|-----------------------|--|------------------------------|--|--|--|--|---------|--------|--|
|     |                       |  |                              |  |  |  |  | 28,181  |        |  |
| 4   | Ông Phạm Hồng Hải     |  | Thành viên Hội Đồng Quản Trị |  |  |  |  | 95,000  | 0.08%  |  |
| 4.1 | Phùng Thanh Trúc      |  | Vợ                           |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 4.2 | Phạm Khôi             |  | Con                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 4.3 | Phạm Phùng Khánh      |  | Con                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 4.4 | Phạm Đức Đăng         |  | Anh                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 4.5 | Phạm Công Thắng       |  | Anh                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 4.6 | Phạm Thị Nhân         |  | Chị                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 4.7 | Phạm Xuân Sơn         |  | Anh                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 4.8 | Phạm Đức Hiền         |  | Em                           |  |  |  |  | 4,611   | 0.00%  |  |
|     |                       |  |                              |  |  |  |  |         |        |  |
| 5   | Ông VŨ NINH           |  | TV HĐQT                      |  |  |  |  | 201,866 | 0.18%  |  |
| 5.1 | Vũ Minh Tuấn          |  | Bố                           |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 5.2 | Trịnh Thị Dân         |  | Mẹ                           |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 5.3 | Lê Thị Thúy           |  | Vợ                           |  |  |  |  | 18,333  | 0.02%  |  |
| 5.4 | Vũ Đình Gia Minh      |  | Con                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 5.5 | Vũ Hiền Long          |  | Con                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 5.6 | Vũ Mỹ Ngân Anh        |  | Con                          |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 5.7 | Vũ Thị Hương Duyên    |  | Em                           |  |  |  |  | 9,666   | 0.01%  |  |
| 5.8 | Vũ Thị Hương Giang    |  | Em                           |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 5.9 | Vũ Đình Tứ            |  | Em                           |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
|     |                       |  |                              |  |  |  |  |         |        |  |
| 6   | Ông Nguyễn Quốc Khánh |  | TV HĐQT                      |  |  |  |  | 358,990 | 0.32%  |  |
| 6.1 | Nguyễn Trọng          |  | Bố                           |  |  |  |  | 0       | 0.00%  |  |
| 6.2 | Nguyễn Thị Mai        |  | Mẹ                           |  |  |  |  |         |        |  |
| 6.3 | NGUYỄN HOÀNG TỐ       |  | VỢ                           |  |  |  |  | 8,126   | 0.007% |  |

|     |                          |                 |         |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|--------------------------|-----------------|---------|--|--|--|--|---------|-------|--|
|     | NGA                      |                 |         |  |  |  |  |         |       |  |
| 6.4 | Nguyễn Hoàng Khánh Linh  |                 | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 6.5 | Nguyễn Hoàng Khánh Trang |                 | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 6.6 | Nguyễn Hoàng Khánh Như   |                 | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 6.7 | Nguyễn Thị Thanh Nhu     |                 | Em      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 6.8 | Nguyễn Quốc Sơn          |                 | Em      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 6.9 | Nguyễn Thị Thanh Thanh   |                 | Em      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 6.1 | Nguyễn Thị Thanh Phương  |                 | Em      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
|     |                          |                 |         |  |  |  |  |         |       |  |
| 7   | Bà Bùi Thị Thu Hương     | Thành viên HĐQT | 1970    |  |  |  |  | 41.679  | 0.03% |  |
| 7.1 | Bùi Quang Vinh           | Hưu trí/Cha     | 1935    |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 7.2 | Lê Thị Thanh Bình        | Hưu trí/Mẹ      | 1935    |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 7.3 | Lê Việt Dũng             | Nhân viên/Chồng | 1962    |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 7.4 | Bùi Vinh Hoa             | Nhân viên/Chị   | 1969    |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 7.5 | Bùi Thị Thanh Trà        | Nhân viên/Em    | 1976    |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
|     | Bùi Thị Yến Nhi          | Nhân viên/Em    | 1978    |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
|     | Bùi Quang Phải           | Nhân viên/Em    | 1983    |  |  |  |  | 0       | 0     |  |
| 8   | Ông Phạm Tiến Tịnh       |                 | TV HĐQT |  |  |  |  | 202,409 | 0.18% |  |
| 8.1 | Nguyễn Bích Huệ          |                 | Vợ      |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 8.2 | Phạm Tiến Toàn           |                 | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 8.3 | Phạm Bích Anh Thư        |                 | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 8.4 | Phạm Thị Uyên            |                 | Con     |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |



|     |                        |  |                              |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|------------------------|--|------------------------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
|     | Thơ                    |  |                              |  |  |  |  |         |       |  |
| 8.5 | Phạm Tiến Tĩnh         |  | Anh                          |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 8.6 | Phạm Thị Tĩnh          |  | Chị                          |  |  |  |  | 240     | 0.00% |  |
| 8.7 | Phạm Tiến Tâm          |  | Anh                          |  |  |  |  | 7,666   | 0.01% |  |
| 8.8 | Phạm Thị Toan          |  | Em                           |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 8.9 | Phạm Thị Toàn          |  | Em                           |  |  |  |  | 300     | 0.00% |  |
| 8.1 | Phạm Thị Tuyển         |  | Em                           |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
|     |                        |  |                              |  |  |  |  |         |       |  |
| 9   | Bà: Nguyễn Minh Nguyệt |  | TV HĐQT/ Trưởng phòng tài vụ |  |  |  |  | 118,008 | 0.10% |  |
| 9.1 | Nguyễn Thị Minh Thiện  |  | Mẹ                           |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 9.2 | Phạm Đình Tánh         |  | Chồng                        |  |  |  |  | 4,000   | 0.00% |  |
| 9.3 | Phạm Quang Minh        |  | Con                          |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 9.4 | Phạm Ngọc Trâm         |  | Con                          |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 9.5 | Nguyễn Thị Thu Hằng    |  | Em                           |  |  |  |  | 10      | 0.00% |  |
| 9.6 | Nguyễn Thị Hồng Nga    |  | Em                           |  |  |  |  | 5       | 0.00% |  |
| 9.7 | Nguyễn Thanh Hải       |  | Em                           |  |  |  |  | 5       | 0.00% |  |

|       |                     |  |                 |  |  |  |  |   |       |  |
|-------|---------------------|--|-----------------|--|--|--|--|---|-------|--|
| 10.1  | Ông Phan Thanh Lộc  |  | Thành viên HĐQT |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.2  | Phan Liêm           |  | Cha             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.3  | Hồ Thị Nữ           |  | Mẹ              |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.4  | Phan Thị Thanh Luận |  | Chị             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.5  | Phan Thị Thanh Ngừ  |  | Chị             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.6  | Phan Thị Thanh Hoa  |  | Chị             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.7  | Phan Thanh Kỳ       |  | Anh             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.8  | Phan Thanh Lợi      |  | Anh             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.9  | Nguyễn Hồng Vân     |  | Vợ              |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.10 | Phan Lily Chi Uyên  |  | Con             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 10.11 | Micheal Phan        |  | Con             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |

|      |                  |                 |  |  |  |  |   |       |  |
|------|------------------|-----------------|--|--|--|--|---|-------|--|
| 11.1 | Nguyễn Quốc Huy  | Thành viên HĐQT |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 11.2 | Hoàng Lan Hương  | Vợ              |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 11.3 | Nguyễn Quốc Hùng | Con             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |
| 11.4 | Nguyễn Quốc Anh  | con             |  |  |  |  | 0 | 0.00% |  |

#### Ban Kiểm Soát

|     |                         |                |  |  |  |  |         |       |  |
|-----|-------------------------|----------------|--|--|--|--|---------|-------|--|
| 1   | Ông Lưu Tường Giai      | Trưởng BKS     |  |  |  |  | 121,443 | 0.11% |  |
| 1.1 | Ông Lưu Hùng            | Bố             |  |  |  |  |         | 0.00% |  |
| 1.2 | Bà Nguyễn Thị Khánh     | Mẹ             |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.3 | Bà Đoàn Thị Quỳnh Trang | Vợ             |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.4 | Lưu Chí Nhân            | Con            |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.5 | Lưu Chí Dũng            | Con            |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.6 | Lưu Tường Giao          | Anh ruột       |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.7 | Lưu Tường Giang         | Anh ruột       |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.8 | Lưu Tường Bách          | Em ruột        |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 1.9 | Lưu Nhược Thủy          | Em ruột        |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
|     |                         |                |  |  |  |  |         |       |  |
| 2.1 | Trần Thanh Thủy         | Thành viên BKS |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
|     |                         |                |  |  |  |  |         |       |  |
| 3   | Bà Vũ Thị Hoàng Bắc     | Thành viên BKS |  |  |  |  | 21,867  | 0.02% |  |
| 3.1 | Trần Phương Nam         | Chồng          |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.2 | Trần Thực Anh           | Con            |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.3 | Trần Hoàng Minh Châu    | Con            |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.4 | Trần Vũ Lan Phương      | Con            |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.5 | Lưu Thị Coong           | Mẹ             |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.6 | Vũ Thị Hoàng Hà         | Chị            |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.7 | Vũ Thái Bình            | Em             |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 3.8 | Vũ Hoa Mai              | Em             |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
|     |                         |                |  |  |  |  |         |       |  |
| 4   | Ông Nguyễn Viết Quảng   | Thành viên BKS |  |  |  |  | 16,842  | 0.01% |  |
| 4.1 | Phạm Thị Hậu            | Mẹ             |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |
| 4.2 | Nguyễn Thu Hà           | Vợ             |  |  |  |  | 500     | 0.00% |  |
| 4.3 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh     | Con            |  |  |  |  | 0       | 0.00% |  |

|     |                      |  |                |  |  |  |  |        |       |
|-----|----------------------|--|----------------|--|--|--|--|--------|-------|
| 4.4 | Nguyễn Việt Linh     |  | Con            |  |  |  |  | 0      | 0.00% |
| 4.5 | Nguyễn Viết Dũng     |  | Anh trai       |  |  |  |  | 0      | 0.00% |
| 4.6 | Nguyễn Viết Viễn     |  | Anh trai       |  |  |  |  | 0      | 0.00% |
| 4.7 | Nguyễn Thị Bích Loan |  | Chị            |  |  |  |  | 0      | 0.00% |
| 4.8 | Nguyễn Viết Toàn     |  | Anh trai       |  |  |  |  | 0      | 0.00% |
|     |                      |  |                |  |  |  |  |        |       |
| 5   | Ông Trần Đức Thuận   |  | Thành viên BKS |  |  |  |  | 41,666 | 0.04% |
| 5.1 | Bà Bùi Thị Bình An   |  | Vợ             |  |  |  |  | 0      | 0.00% |
| 5.2 | Ông Trần Nam Thắng   |  | Anh ruột       |  |  |  |  |        | 0.00% |
| 5.3 | Bà Trần Thị Kim Thoa |  | Chị ruột       |  |  |  |  | 0      | 0.00% |
| 5.4 | Bà Trần Thị Kim Thúy |  | Chị ruột       |  |  |  |  | 1,666  | 0.00% |
| 5.5 | Ông Trần Quốc Khánh  |  | Bố             |  |  |  |  | 0      | 0.00% |

## 2. Giao dịch cổ phiếu:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                            | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1   | Tổng công ty hàng hải     | Ông Đỗ Văn Nhân            | 180.011                   | 0.16% | 159.011                    | 0.14% | Tái cơ cấu các khoản đầu tư                        |
|     |                           |                            |                           |       |                            |       |                                                    |
|     |                           |                            |                           |       |                            |       |                                                    |

## 3. (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
| 1   | DEUTSCHE BANK             | Cổ Đông                                | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ | bán                                                |

|   |                        |                                    |           |       |           |        |     |
|---|------------------------|------------------------------------|-----------|-------|-----------|--------|-----|
|   |                        | lớn                                | 5.863.126 | 5.36% | 5.269.026 | 4.81%  |     |
| 2 | Ông Đỗ Văn Minh        | Cổ đông nội bộ                     | 334.330   | 0.3%  | 100.000   | 0.1%   | bán |
| 3 | Bà Nguyễn Hoàng Tố Nga | Người liên quan của cổ đông nội bộ | 48.126    | 0.04% | 8.126     | 0.007% | bán |

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (Báo cáo 6 tháng/năm)

Thành Viên HĐQT  
 Tổng Giám Đốc

Đỗ Văn Minh